TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**---oOo---**

**Báo Cáo**

*Tên đề tài:*

**Website Bán Nông Sản**

Thành viên nhóm:

**1.Phạm Hồng Thiên**

**2. Nguyễn Phi Trần Quốc**

**3. Huỳnh Võ Văn Tiện**

**4. Lê Nhật Anh**

**5. Huỳnh Anh Vũ**

TP HỒ CHÍ MINH – NĂM 2021

**Mục Lục**

[**1.** **Mô tả project.** 1](#_Toc69243868)

[**1.1.** **Đặc tả.** 1](#_Toc69243869)

[**1.1.1.** Đặt vấn đề. 1](#_Toc69243870)

[**1.1.2.** Sự phát triển. 1](#_Toc69243871)

[**1.1.3.** Mục tiêu đề tài. 2](#_Toc69243872)

[**1.2.** **Đối tượng sử dụng.** 3](#_Toc69243873)

[**1.3.** **Các chức năng dự định.** 3](#_Toc69243874)

[**1.3.1.** Nhóm các chức năng của hệ thống tổng quát. 3](#_Toc69243875)

[**1.3.2.** Nhóm chức năng theo tác nhân của hệ thống. 4](#_Toc69243876)

[**1.3.3.** Các quy trình tổng thể: 5](#_Toc69243877)

[**1.4.** **Quy trình.** 6](#_Toc69243878)

[**1.4.1.** Đăng nhập hệ thống. 6](#_Toc69243879)

[**1.4.2.** Mua Hàng. 7](#_Toc69243880)

[**1.4.3.** Cập nhật hệ thống. 8](#_Toc69243881)

[**1.4.4.** Xử lý đơn hàng. 8](#_Toc69243882)

[**2.** **Cơ sở dữ liệu.** 9](#_Toc69243883)

[**2.1.** **Mô tả các bảng, cột, mối quan hệ.** 9](#_Toc69243884)

[**3.** **Công nghệ phát triển.** 18](#_Toc69243885)

[**3.1.** **Giới thiệu phần mềm.** 18](#_Toc69243886)

[**3.2.** **Tại sao nên sử dụng laravel**. 18](#_Toc69243887)

[**4.** **Kết quả đạt được** 19](#_Toc69243888)

[**5.** **Phân công công viêc.** 20](#_Toc69243889)

1. **Mô tả project.**
   1. **Đặc tả.**
      1. Đặt vấn đề.

Trong một vài năm trở lại đây khi các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm được chú trọng và đề cao đã có rất nhiều [cửa hàng nông sản sạch](http://vuonrauvn.com/rau-sach-s11.html) ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Mô hình kinh doanh khá thành công nên các nhà cung cấp nhanh chóng mở rộng mạng lưới của mình thành một [chuỗi cửa hàng kinh doanh bán lẻ](http://blog.sapo.vn/bi-quyet-thanh-cong-trong-quan-ly-chuoi-cua-hang/). Việc quảng bá và giới thiệu đến khách hàng các sản phẩm trong từng thời điểm một cách hiệu quả và kịp thời là yếu tố quan trọng giúp đưa thương hiệu quảng bá tới đông đảo khách hàng.

Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin như ngày nay thì vấn đề trên có thể được giải quyết dễ dàng. Chỉ với một chiếc máy tính được kết nối internet khách hàng có thể lựa chọn và mua sắm mọi lúc, mọi nơi chỉ với một vài thao tác đơn giản họ sẽ có được một thực phẩm ưng ý nhất. Bên cạnh đó còn giúp cửa hàng quản lý được việc mua bán hiệu quả hơn so với việc quản lý trên giấy tờ dễ gây sai sót hay mất mác thông tin, các dữ liệu về sản phẩm, khách hàng được lưu trữ một cách an toàn.

* + 1. Sự phát triển.

Đối với việc thương mại điện tử đang là xu thế hàng đầu trong kinh doanh, kết nối nhiều đối tượng sử dụng ở gần hoặc xa cửa hàng. Thương mại điện tử giúp cho họ dễ dàng thông qua mua và bán đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh. Đối với công nghệ hiện đại và máy móc giúp con người chúng ta dễ dàng đạt được những thứ muốn sở hữu. Song song việc các website bán hàng ra đời giúp cho con người dễ dàng tiếp cận hàng hóa, với các trang web mua sắm, ăn uống… Các khách hàng cũng như khách hàng tiềm năng sẽ giúp cho sự phát triển những trang web được tốt hơn thông qua lượt tìm kiếm cũng như đánh giá trang web của mình.

* + 1. Mục tiêu đề tài.

Vì những hạn chế của vấn đề trên nên đề tài “Xây dựng website mua bán sản phầm nông sản tại cửa hàng nông sản sạch” ra đời nhầm khắc phục những hạn chế đó giúp cho việc hoạt động của website diễn ra tiện lợi và nhanh chóng nhất.

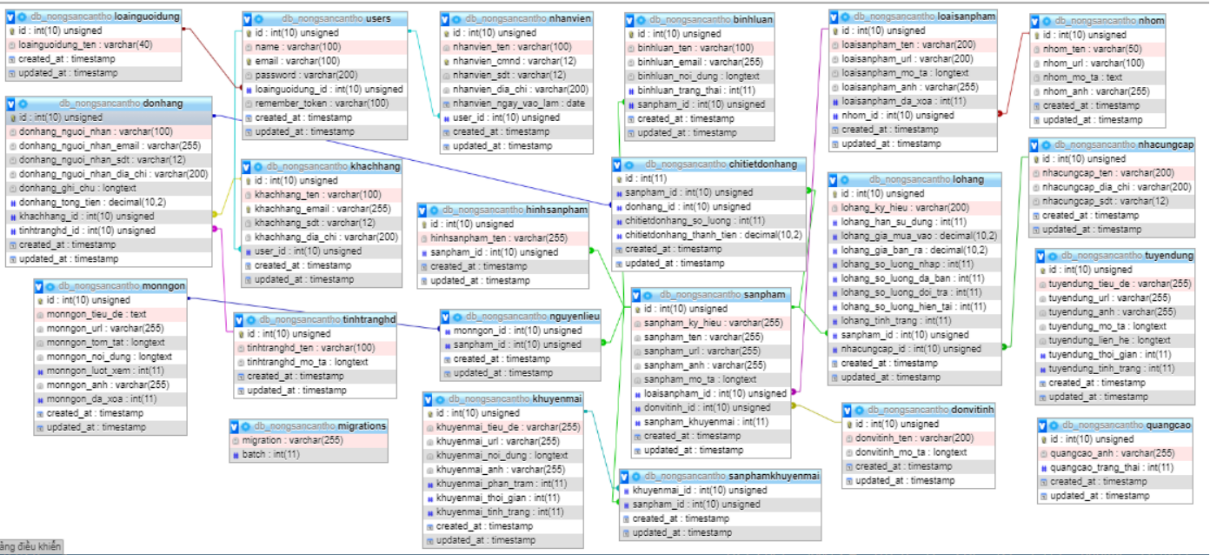
Các chức năng được hoàn thiện, bổ sung cho website bao gồm:

* Giao diện dễ sử dụng, có tính thẩm mỹ cao và có thể co giản phù hợp với mọi thiết bị và trên mọi màn hình.
* Cho phép khách hàng đăng ký thành viên và bảo mật thông tin.
* Thông tin sản phẩm phong phú, đa dạng.
* Luôn cập nhật, giới thiệu các sản phẩm mới nhất.
  1. **Đối tượng sử dụng.**

***Quản Trị Viên*:** nhóm người dùng này có quyền cao nhất trên hệ thống. Có thể tạo và quản lý tất cả các nhóm người dùng khác, thực hiện các chức năng như: Quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng, quản lý kho…

***Khách hàng*:** Bao gồm khách hàng tiềm năng (Người đến tham khảo nhưng chưa tham gia mua sản phẩm) và khách hàng (Người tham gia mua sản phẩm). Đây được xem là nhóm người dùng chủ chốt của giao diện client.

* 1. **Các chức năng dự định.**
     1. Nhóm các chức năng của hệ thống tổng quát.
* Phần client:
* Hiển thị sản phẩm, thông tin, hình ảnh
* Xem chi tiết thông tin sản phẩm
* Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
* Gửi phản hồi về sản phẩm
* Hiển thị bài viết blog ẩm thực
* Đăng ký, đăng nhập hệ thống
* Phần server admin:
* Hiển thị tổng quang thông tin bán hàng: số phản hồi,số khách hàng,đơn hàng, sản phẩm, thống kê sản phẩm, tổng quan sản phẩm đã bán
* Quản lý sản phẩm: hiển thị danh sách sản phẩm, thêm, xóa, sửa thông tin sản phẩm
* Quản lý loại sản phẩm: hiển thị danh sách loại sản phẩm, thêm, xóa, sửa thông tin loại sản phẩm
* Quản lý nhóm thực phẩm: hiển thị danh sách sản phẩm, thêm, xóa, sửa thông tin nhóm thực phẩm
* Quản lý đơn vị tính, nhà cung cấp, lô hàng, thêm, xóa, sửa dữ liệu
* Quản lý thông tin khách hàng: xóa, xem lịch sử mua hàng
* Quản lý đơn đặt hàng
* Quản lý phản hồi khách hàng về sản phẩm
* Quản lý bài đăng blog ẩm thực, thêm, xóa ,sửa
* Quản lý hình ảnh quảng cáo, thêm, xóa , sửa hình ảnh quảng cáo
* Quản lý sản phẩm khuyến mãi: thêm, xóa, sửa sản phẩm khuyến mãi
* Quản lý thông tin kho hàng: sản phẩm nhập, bán, sản phẩm bán chạy, đổi trả, thống kê sản phẩm bán chạy, tồn, sản phẩm còn hạn sử dụng, hết hạn sử dụng
  + 1. Nhóm chức năng theo tác nhân của hệ thống.
* Khách hàng chưa đăng ký thành viên:
* Đăng ký.
* Tìm, xem sản phẩm.
* Thêm, xóa, sửa thông tin giỏ hàng.
* Mua hàng, thanh toán.
* Khách hàng đã đăng ký:
* Đăng nhập, đăng ký.
* Xem, cập nhật thông tin cá nhân.
* Tìm, xem sản phẩm, đánh giá.
* Thêm, xóa, sửa thông tin giỏ hàng.
* Mua hàng, thanh toán.
* Quản trị viên ( admin ):
* Quản lý tài khoản.
* Xem thông tin cửa hàng.
* Cập nhật thông tin khuyến mãi, sản phẩm.
* Nhân viên cửa hàng:
* Kiểm tra đơn hàng.
* Xác nhận thông tin đơn hàng.
* Nhập hàng, nhận hàng.
* Kiểm tra hàng trong kho.
* Xuất hàng, chuyển hàng cho giao hàng.
* Thanh toán:
* Thanh toán qua ngân hàng.
* Thanh toán khi nhận hàng.
* Giao hàng:
* Nhận hàng từ kho.
* Kiểm tra hàng.
* Giao cho khách hàng.
  + 1. Các quy trình tổng thể:
* Đăng nhập hệ thống.
* Đăng ký.
* Đăng nhập.
* Xem, cập nhật tin cá nhân.
* Mua hàng:
* Tìm sản phẩm.
* Thêm vào giỏ hàng.
* Thanh toán.
* Cập nhật sản phẩm lên hệ thống
* Xử lý đơn hàng
  1. **Quy trình.**
     1. Đăng nhập hệ thống.
* Đăng ký thành viên:
* Khách hàng xem chọn mục đăng ký.
* Hệ thống hiển thị form đăng ký.
* Khách hàng điền thông tin vào form đăng ký.
* Khách hàng nhấn nút đăng ký.
* Hệ thống kiểm tra, cập nhật thông tin khách hàng vào hệ thống.
* Hệ thống trả kết quả đăng ký cho khách hàng.
* Khách hàng nhận kết quả đăng ký từ hệ thống.
* Đăng nhập:
* Khách hàng chọn mục đăng nhập.
* Hệ thống hiện thị form đăng nhập.
* Khách hàng điền thông tin để đăng nhập.
* Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập.
* Hệ thống trả kết quả đăng nhập.
* Xem, cập nhật tin cá nhân:
* Khách hàng chọn mục thông tin cá nhân.
* Hệ thống hiển thị thông tin cá nhân.
* Khách hàng chọn mục cập nhật thông tin cá nhân.
* Khách hàng điền thông tin cá nhân.
* Khách hàng chọn cập nhật.
* Hệ thống kiểm tra và trả kết quả cập nhật.
  + 1. Mua Hàng.
* Tìm sản phẩm:
* Khách hàng chọn vào mục tìm kiếm.
* Hệ thống hiển thị form tìm kiếm.
* Khách hàng nhập thông tin tìm kiếm.
* Khách hàng nhấn nút tìm.
* Hệ thống báo kết quả.
* Thêm vào giỏ hàng:
* Khách hàng chọn sản phẩm.
* Khách hàng xem chi tiết, chọn số lượng, kích thước.
* Khách hàng chọn thêm sản phẩm vào giỏ.
* Hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm trong giỏ hàng.
* Thanh toán
* Khách hàng chọn thanh toán.
* Hệ thống hiện form thanh toán, danh sách sản phẩm trong giỏ hàng.
* Khách hàng điền thông tin thanh toán.
* Khách hàng chọn hình thức thanh toán.
* Khách hàng chọn xác nhận thanh toán.
* Hệ thống xác nhận đơn hàng.
* Hệ thống hiển thị kết quả cho khách hàng.
  + 1. Cập nhật hệ thống.
* Nhập hàng:
* Nhân viên kiểm tra hàng trong kho.
* Kiểm tra hàng nhập.
* Xuất phiếu nhập.
* Cập nhật lại thông tin hàng trong kho.
* Cập nhật sản phẩm lên website:
* Đăng nhập trang quản trị.
* Thêm sản phẩm mới.
* Xóa sản phẩm không còn bán.
* Cập nhật lại sản phẩm hiện có.
  + 1. Xử lý đơn hàng.
* Nhận đơn đặt hàng.
* Kiểm tra thông tin đơn đặt hàng.
* Kiểm tra hàng trong kho.
* Xác nhận đơn hàng.
* In hóa đơn.
* Chuyển đến bộ phận giao hàng.

1. **Cơ sở dữ liệu.**
   1. **Mô tả các bảng, cột, mối quan hệ.**

Bảng dữ liệu **BINHLUAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 10 | Khóa chính | Mã bình luận |
| 2 | binhluan\_ten | vc | 100 |  | Tên người bình luận |
| 3 | binhluan\_email | vc | 255 |  | Email người bình luận |
| 4 | binhluan\_noi\_dung | text |  |  | Nội dung bình luận |
| 5 | binhluan\_trang\_thai | int | 11 |  | Trạng thái của bình luận |
| 6 | sanpham\_id | int | 10 |  | Sản phẩm bình luận |

*Bảng 1: Bảng dữ liệu BINHLUAN*

Bảng dữ liệu **DONHANG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 11 | Khóa chính | Mã đơn hàng |
| 2 | donhang\_nguoi\_nhan | varchar | 100 |  | Tên người nhận hàng |
| 3 | donhang\_nguoi\_nhan\_email | varchar | 255 |  | Email người nhận hàng |
| 4 | donhang\_nguoi\_nhan\_sdt | varchar | 12 |  | Số điện thoại người nhận hàng |
| 5 | donhang\_nguoi\_nhan\_dia\_chi | varchar | 200 |  | Địa chỉ nhận hàng |
| 6 | donhang\_ghi\_chu | text |  |  | Ghi chú đơn hàng |
| 7 | donhang\_tong\_tien | decimal | 10,2 |  | Tổng tiền đơn hàng |
| 8 | khachhang\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã khách hàng |
| 9 | tinhtranghd\_id | int | 10 |  | Tình trạng đơn hàng |

*Bảng 3: Bảng dữ liệu DONHANG*

Bảng dữ liệu **DONVITINH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 11 | Khóa chính | Mã đơn vị tính |
| 2 | donvitinh\_ten | varchar | 200 |  | Tên đơn vị tính |
| 3 | donvitinh\_mo\_ta | text |  |  | Mô tả |

*Bảng 4: Bảng dữ liệu DONVITINH*

Bảng dữ liệu **HINHSANPHAM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 11 | Khóa chính | Mã hình sản phẩm |
| 2 | hinhsanpham\_ten | varchar | 255 |  | Tên hình sản phẩm |
| 3 | sanpham\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã sản phẩm |

*Bảng 5: Bảng dữ liệu HINHSANPHAM*

Bảng dữ liệu **KHACHHANG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 11 | Khóa chính | Mã khách hàng |
| 2 | khachhang\_ten | varchar | 100 |  | Tên khách hàng |
| 3 | khachhang\_email | varchar | 255 |  | Email khách hàng |
| 4 | khachhang\_sdt | varchar | 12 |  | Số điện thoại |
| 5 | khachhang\_dia\_chi | varchar | 200 |  | Địa chỉ |
| 6 | user\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã người dùng |

*Bảng 6: Bảng dữ liệu KHACHHANG*

Bảng dữ liệu **KHUYENMAI**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 11 | Khóa chính | Mã khuyến mãi |
| 2 | khuyenmai\_tieu\_de | varchar | 255 |  | Tiều đề khuyến mãi |
| 3 | khuyenmai\_url | varchar | 255 |  | Đường dẫn tĩnh của khuyến mãi |
| 4 | khuyenmai\_noi\_dung | text |  |  | Nội dung khuyến mãi |
| 5 | khuyenmai\_anh | varchar | 255 |  | Ảnh khuyến mãi |
| 6 | khuyenmai\_phan\_tram | int | 11 |  | Tỷ lệ phần trăm |
| 7 | khuyenmai\_thoi\_gian | int | 11 |  | Thời gian khuyến mãi |
| 8 | khuyenmai\_tinh\_trang | int | 11 |  | Tình trạng khuyến mãi |

*Bảng 7: Bảng dữ liệu KHUYENMAI*

Bảng dữ liệu **LOAINGUOIDUNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 11 |  | Mã loại người dùng |
| 2 | loainguoidung\_ten | varchar | 40 |  | Tên loại người dùng |

*Bảng 8: Bảng dữ liệu LOAINGUOIDUNG*

Bảng dữ liệu **LOAISANPHAM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 10 |  | Mã loại sản phẩm |
| 2 | loaisanpham\_ten | varchar | 200 |  | Tên loại sản phẩm |
| 3 | loaisanpham\_url | varchar | 200 |  | Đường dẫn tĩnh của loại sản phẩm |
| 4 | loaisanpham\_mo\_ta | text |  |  | Mô tả |
| 5 | loaisanpham\_anh | varchar |  |  | Ảnh loại sản phẩm |
| 6 | nhom\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã nhóm thực phẩm |

*Bảng 9: Bảng dữ liệu LOAISANPHAM*

Bảng dữ liệu **LOHANG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 10 | Khóa chính | Mã lô hàng |
| 2 | lohang\_ky\_hieu | varchar | 200 |  | Ký hiệu lô hàng |
| 3 | lohang\_han\_su\_dung | int | 11 |  | Hạn sử dụng |
| 4 | lohang\_gia\_mua\_vao | decimal | 10,2 |  | Giá thu mua |
| 5 | lohang\_gia\_ban\_ra | decimal | 10,2 |  | Giá bán ra |
| 6 | lohang\_so\_luong\_ nhap | int | 11 |  | Số lượng nhập vào |
| 7 | lohang\_so\_luong\_da\_ban | int | 11 |  | Số lượng đã bán |
| 8 | lohang\_so\_luong\_doi\_tra | int | 11 |  | Số lượng đổi trả |
| 9 | lohang\_so\_luong\_hien\_tai | int | 11 |  | Số lượng hiện tại |
| 10 | lohang\_tinh\_trang | int | 11 |  | Tình trạng |
| 11 | sanpham\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã sản phẩm |
| 12 | nhacungcap\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã nhà cung cấp |

*Bảng 10: Bảng dữ liệu LOHANG*

Bảng dữ liệu **MONNGON**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 10 | Khóa chính | Mã món ngon |
| 2 | monngon\_tieu\_de | text |  |  | Tiêu đề |
| 3 | monngon\_url | varchar | 255 |  | Đường dẫn tĩnh |
| 4 | monngon\_tom\_tat | text |  |  | Tóm tắt |
| 5 | monngon\_noi\_dung | text |  |  | Nội dung |
| 6 | monngon\_anh | varchar | 255 |  | Ảnh món ngon |

*Bảng 11: Bảng dữ liệu MONNGON*

Bảng dữ liệu **NGUYENLIEU**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 10 | Khóa chính | Mã nguyên liệu |
| 2 | sanpham\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã sản phẩm |
| 3 | monngon\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã món ngon |

*Bảng 12: Bảng dữ liệu NGUYENLIEU*

Bảng dữ liệu **NHACUNGCAP**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 10 | Khóa chính | Mã nhà cung cấp |
| 2 | nhacungcap\_ten | varchar | 200 |  | Tên nhà cung cấp |
| 3 | nhacungcap\_dia\_chi | varchar | 200 |  | Địa chỉ |
| 4 | nhacungcap\_sdt | varchar | 12 |  | Số điện thoại |

*Bảng 13: Bảng dữ liệu NHACUNGCAP*

Bảng dữ liệu **NHANVIEN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 10 | Khóa chính | Mã nhân viên |
| 2 | nhanvien\_ten | varchar | 100 |  | Tên nhân viên |
| 3 | nhanvien\_cmnd | varchar | 12 |  | Chứng minh thư |
| 4 | nhanvien\_sdt | varchar | 12 |  | Số điện thoại |
| 5 | nhanvien\_dia\_chi | varchar | 200 |  | Địa chỉ |
| 6 | nhanvien\_ngay\_vao\_ lam | date |  |  | Ngày vào làm |
| 7 | user\_id | int | 10 |  | Mã người dùng |

*Bảng 14: Bảng dữ liệu NHANVIEN*

Bảng dữ liệu **NHOM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 10 | Khóa chính | Mã nhóm thực phẩm |
| 2 | nhom\_ten | varchar | 50 |  | Tên nhóm thực phẩm |
| 3 | nhom\_url | varchar | 100 |  | Đường dẫn tĩnh |
| 4 | nhom\_mo\_ta | text |  |  | Mô tả |
| 5 | nhom\_anh | varchar | 255 |  | Ảnh minh họa |

*Bảng 15: Bảng dữ liệu NHOM*

Bảng dữ liệu **SANPHAMKHUYENMAI**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | khuyemai\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã khuyến mãi |
| 2 | sanpham\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã sản phẩm |

*Bảng 17: SANPHAMKHUYENMAI*

Bảng dữ liệu **SANPHAM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 10 | Khóa chính | Mã sản phẩm |
| 2 | sanpham\_ky\_hieu | varchar | 255 |  | Ký hiệu |
| 3 | sanpham\_ten | varchar | 255 |  | Tên sản phẩm |
| 4 | sanpham\_url | varchar | 255 |  | Đường dẫn tĩnh |
| 5 | sanpham\_anh | varchar | 255 |  | Ảnh minh họa |
| 6 | sanpham\_mo\_ta | text |  |  | Mô tả sản phẩm |
| 9 | loaisanpham\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã loại sản phẩm |
| 10 | donvitinh\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã đơn vị tính |
| 11 | sanpham\_khuyenmai | int | 11 |  | Tình trạng khuyến mãi |

*Bảng 16: Bảng dữ liệu SANPHAM*

Bảng dữ liệu **TINHTRANGHD**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 10 | Khóa chính | Mã tình trạng |
| 2 | tinhtranghd\_ten | varchar | 100 |  | Tên tình trạng |
| 3 | tinhtranghd\_mo\_ta | text |  |  | Mô tả |

*Bảng 18: Bảng dữ liệu TINHTRANGHD*

Bảng dữ liệu **QUẢNG CÁO**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 10 | Khóa chính | Mã quảng cáo |
| 2 | quangcao\_anh | varchar | 255 |  | Tên ảnh |
| 3 | quangcao\_trang\_thai | int | 10 |  | Trạng thái |

*Bảng 19: Bảng dữ liệu QUANGCAO*

Bảng dữ liệu **CHITIETDONHANG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 11 | Khóa chính | Mã chi tiết đơn hàng |
| 2 | sanpham\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã sản phẩm |
| 3 | donhang\_id | int | 10 | Khóa ngoại | Mã đơn hàng |
| 4 | chitietdonhang\_so\_luong | int | 11 |  | Số lượng sản phẩm |
| 5 | chitietdonhang\_thanh\_tien | decimal | 10,2 |  | Thành tiền của sản phẩm |

*Bảng 2: Bảng dữ liệu CHITIETDONHANG*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | THUỘC TÍNH | KIỂU | KÍCH THƯỚC | RÀNG BUỘC | Ý NGHĨA |
| 1 | id | int | 10 | Khóa chính | Mã tuyển dụng |
| 2 | tuyendung\_tieu\_de | varchar | 255 |  | Tiêu đề |
| 3 | tuyendung\_url | varchar | 255 |  | Đường dẫn tĩnh |
| 4 | tuyendung\_anh | varchar | 255 |  | Ảnh minh họa |
| 5 | tuyendung\_mo\_ta | text |  |  | Mô tả |
| 6 | tuyendung\_lien\_he | text |  |  | Liên hệ |
| 7 | tuyendung\_thoi\_gian | int | 11 |  | Thời gian tuyển dụng |
| 8 | tuyendung\_tinh\_trang | int | 11 |  | Tình trạng tuyển dụng |

Bảng dữ liệu **TUYENDUNG**

*Bảng 20: Bảng dữ liệu TUYENDUNG*

1. **Công nghệ phát triển.**
   1. **Giới thiệu phần mềm.**

* Laravel.
* Laravel là một PHP framework, có mã nguồn mở và miễn phí, được xây dựng nhằm hỗ trợ phát triển các phần mềm, ứng dụng, theo kiến trúc MVC.Hiện nay, Laravel đang là PHP framework phổ biến nhất và tốt nhất.
* Ưu điểm:
* Sử dụng các tính năng mới nhất của PHP.
* Nguồn tài nguyên vô cùng lớn và sẵn có.
* Tích hợp với dịch vụ mail.
* Tốc độ xử lý nhanh.
* Dễ sử dụng.
* Tính bảo mật cao.
  1. **Tại sao nên sử dụng laravel**.
* Bắt đầu dễ dàng hơn.
* Có mã nguồn mở.
* Hỗ trợ cộng đồng.
* Theo dõi MVC.
* Được xấy dựng dựa trên những Framework hiệu quả nhất.
* Di chuyển Database dễ dàng.
* Tính năng bảo mật hoàn thiện.

1. **Kết quả đạt được**

* Phần client:
* Hiển thị sản phẩm, thông tin, hình ảnh
* Xem chi tiết thông tin sản phẩm
* Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
* Gửi phản hồi về sản phẩm
* Hiển thị bài viết blog ẩm thực
* Đăng ký, đăng nhập hệ thống
* Phần server admin:
* Hiển thị tổng quang thông tin bán hàng: số phản hồi,số khách hàng,đơn hàng, sản phẩm, thống kê sản phẩm, tổng quan sản phẩm đã bán
* Quản lý sản phẩm: hiển thị danh sách sản phẩm, thêm, xóa, sửa thông tin sản phẩm
* Quản lý loại sản phẩm: hiển thị danh sách loại sản phẩm, thêm, xóa, sửa thông tin loại sản phẩm
* Quản lý nhóm thực phẩm: hiển thị danh sách sản phẩm, thêm, xóa, sửa thông tin nhóm thực phẩm
* Quản lý đơn vị tính, nhà cung cấp, lô hàng, thêm, xóa, sửa dữ liệu
* Quản lý thông tin khách hàng: xóa, xem lịch sử mua hàng
* Quản lý đơn đặt hàng
* Quản lý phản hồi khách hàng về sản phẩm
* Quản lý bài đăng blog ẩm thực, thêm, xóa ,sửa
* Quản lý hình ảnh quảng cáo, thêm, xóa , sửa hình ảnh quảng cáo
* Quản lý sản phẩm khuyến mãi: thêm, xóa, sửa sản phẩm khuyến mãi
* Quản lý thông tin kho hàng: sản phẩm nhập, bán, sản phẩm bán chạy, đổi trả, thống kê sản phẩm bán chạy, tồn, sản phẩm còn hạn sử dụng, hết hạn sử dụng

1. **Phân công công viêc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Phạm Hồng Thiên | Đăng nhập  Đăng ký  Đăng xuất |
| 2 | Lê Nhật Anh | Quản lý sản phẩm  Quản lý kho hàng  Quản lý đơn hàng |
| 3 | Nguyễn Phi Trần Quốc | Xem chi tiết sản phẩm  Tìm kiếm sản phẩm  Quản lý giỏ hàng |
| 4 | Huỳnh Anh Vũ | Gửi liên hệ  Quản lý quảng cáo  Xem mục tin tức  Quản lý khách hàng |
| 5 | Huỳnh Võ Văn Tiện | Quản lý tuyển dụng  Quản lý tin tức  Quản lý khuyến mãi |